

Số: 562/2020/QĐST-HNGĐ

Thủ Đức, ngày 26 tháng 6 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỦ ĐỨC – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào các Điều 212; Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật thi hành án dân sự năm 2008 (Được sửa đổi, bổ sung năm 2014);

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 510/2020/TLST- HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1-/ Ông Trần C - sinh năm: 1972

Thường trú: 112/8 đường A, Phường B, thành phố C, tỉnh Vĩnh Long.

Cư trú: 9 Đường V, khu phố X, phường Y, quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh.

2-/ Bà Trần Ái T - sinh năm: 1973

Thường trú: 9 Đường V, khu phố X, phường Y, quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 18/6/2020.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần C và bà Trần Ái T thuận tình ly hôn. (Giấy chứng nhận kết hôn số 128, quyển số 01/2005 ngày 07/11/2005 của Ủy ban nhân dân phường Y, quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh.)

[2] Về con chung: Giao con chung tên Trần Gia P - sinh ngày 25/3/2009 cho ông Trần C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Trần Ái T cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 2.000.000 đ (Hai triệu đồng). Thực hiện từ tháng 6/2020 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi tròn. Riêng con chung tên Trần Gia L - sinh ngày 17/3/2001 đã trưởng thành.

[3] Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

[4] Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về lệ phí Tòa án: 300.000 đ (Ba trăm ngàn đồng), ông Trần C và bà Trần Ái T chịu.

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 18 tháng 6 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1./ Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần C và bà Trần Ái T thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao con chung tên Trần Gia P - sinh ngày 25/3/2009 cho ông Trần C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Trần Ái T cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 2.000.000 đ (Hai triệu đồng). Thực hiện từ tháng 6/2020 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi tròn. Riêng con chung tên Trần Gia L - sinh ngày 17/3/2001 đã trưởng thành.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật và khi có đơn yêu cầu thi hành án của ông Trần C, nếu bà Trần Ái T chậm thi hành việc cấp dưỡng nuôi con, thì hàng tháng bà T phải chịu thêm tiền lãi theo mức lãi suất được quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Không ai được quyền ngăn cản việc thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, vì quyền lợi mọi mặt của người con khi cần thiết, có thể thay đổi người nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.
- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2./ Về lệ phí Tòa án: 300.000 đ (Ba trăm ngàn đồng), ông Trần C và bà Trần Ái T phải chịu, nhưng được cản trừ vào tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đ (Ba trăm ngàn đồng), ông Trần C và bà Trần Ái T đã nộp theo biên lai thu tiền số 0057216 ngày 12/6/2020 của Chi cục thi hành án dân sự quận Thủ Đức. Ông Trần C và bà Trần Ái T đã nộp đủ lệ phí việc dân sự sơ thẩm.

3./ Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận Thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự (Được sửa đổi, bổ sung năm 2014)”.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.Thủ Đức;
- Chi cục THADS Q. Thủ Đức;
- Hai bên đương sự;
- UBND phường Y, quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Vp.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Phạm Thị Thu